

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 141/2025/DS-ST

Ngày 28 – 5 – 2025

V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Hoàng

2. Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2025/TLST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Vũ T, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp Cống Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Trịnh Vũ T (nguyên đơn) trình bày:

Do có mối quan hệ bà con với nhau, nên ông tham gia chơi hụi của vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Kim T1 nhiều lần, cụ thể:

Ngày 20/4/2022 âm lịch (AL), bà Huỳnh Kim T1 mở dây hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 39 chân, mỗi tháng khui một lần vào ngày 20 hàng tháng, ông tham gia 01 chơi một chân. Quá trình giao dịch hụi, ông đã tham gia đóng hụi sống được 32 kỳ nhưng đến kỳ thứ 33, bà Thủy không gom hụi đến kỳ thứ 34, bà T1 tuyên bố đình hụi.

Ngày 10/4/2024 âm lịch (AL), ông Nguyễn Văn T2 mở dây hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 31 chân, mỗi tháng khui một lần vào ngày 10 hàng tháng, ông tham gia chơi hai chân. Quá trình giao dịch hụi, ông đã tham gia đóng hụi sống được 07 kỳ nhưng đến kỳ thứ 8 và 9, bà T1 cùng ông T2 không gom hụi. Đề kỳ thứ 10, ông T2 và bà T1 tuyên bố đình hụi.

Cả hai dây hội trên, bà T1 và ông T2 có lập danh sách hội viên nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương, hai dây hội trên đều là hội hưởng hoa hồng, mỗi chân hội viên hót hội phải trả tiền cò cho vợ chồng bà T1 là 600.000 đồng. Sau khi tuyên bố đình hội đến ngày 16/02/2025, ông cùng với bà T1, ông T2 thương lượng thỏa thuận với nhau và bà T1, ông T2 thừa nhận còn nợ ông số tiền hội của hai dây hội là 46.000.000 đồng nhưng đến nay, bà T1 cùng ông T2 không trả số tiền nợ trên cho ông. Tại phiên tòa, ông T đồng ý trừ tiền cò 03 chân hội là 1.800.000 đồng nên chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông T2, bà T1 cùng có trách nhiệm trả một lần cho ông hết số tiền hội còn nợ là 44.200.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Ngoài ra, ông không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2 (bị đơn) tuy đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Tòa, cũng không gửi văn bản đề nghị ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Vũ T (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên xét xử không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng về hội. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hội, tuy việc mở hội có lập danh sách hội viên nhưng không đăng ký với chính quyền địa phương và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian chơi hội, số chân hội nguyên đơn tham gia, số kỳ hội sống nguyên đơn đã đóng, thời gian đình hội cũng như số tiền hội bị đơn còn nợ nguyên đơn là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự trong khi trong danh sách hội viên thể hiện nguyên đơn có tham gia chơi hai dây hội do bị đơn mở vào ngày 20/4/2022 (al) và ngày 10/4/2024 (al). Do đó, căn cứ vào danh sách hội viên cùng lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn số tiền hội là 46.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý trừ tiền cò ba chân hội với số tiền 1.800.000 đồng cho bị đơn và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội là 44.200.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng) – Đây là ý chí, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên chấp nhận.

[3] Về thời gian thanh toán, tuy nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần nhưng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Vũ T.

Buộc bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Vũ T số tiền là 44.200.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Trịnh Vũ T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn T2 cùng bà Huỳnh Kim T1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2 phải chịu số tiền 2.210.000 đồng (hai triệu hai trăm mười nghìn đồng, chưa nộp).

Ông Trịnh Vũ T không phải chịu. Ngày 14/3/2025, ông T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003935 được trả lại toàn bộ cho ông T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân**